

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH  
TÂN**

**TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ -ST

Ngày: 22/02/2024

Về việc “Xin ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu*  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Ngọc Hải

2/ Ông Nguyễn Ngọc Tòng

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.*

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2023/TLST – HNGĐ ngày 12/12/2023, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST – DS ngày 6/02/2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Cư trú: Tổ 02, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 02, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 25/8/2023 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2005 chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn V cưới nhau, hôn nhân do tự nguyện, chị và anh V có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2010.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn V có sinh được 2 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/02/2007. Hiện cháu D và cháu T1 đang sống với anh V. Nay chị đồng ý cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị

Ngọc D, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/02/2007, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không có tạo lập ra tài sản chung, vợ chồng không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ vợ chồng. không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ đó thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu T xin ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị T2 Thì đồng ý cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/02/2007, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

\* Anh Nguyễn Văn V vắng mặt

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đơn xin vắng mặt của chị Huỳnh Thị T2 Thì ngày 12/12/2023. Lý do: đi làm xa và làm công nhân công ty nên không thể dự các phiên hoà giải và phiên tòa xét xử là đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Nguyễn văn V1 được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2005 chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn V cưới nhau, hôn nhân do tự nguyện, chị và anh V có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2010 đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ đó thường gây gổ với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T không còn mong muốn cùng anh V xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị T xin ly hôn. Xét yêu cầu của chị T có cơ sở nên áp dụng Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Huỳnh Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

[4] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn V có sinh được 2 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/02/2007 đang sống với anh V. Nay chị T thống nhất cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng chị T không cấp dưỡng nuôi con. Xét để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các cháu Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T1 không bị thay đổi nên để anh V tiếp tục nuôi các cháu là phù hợp với nguyện vọng của chị T. Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Anh Nguyễn Văn V vắng mặt nhưng anh không cung cấp văn bản ý kiến đồng ý hay phản bác yêu cầu của chị T. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Xét yêu cầu của chị T có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Anh Nguyễn Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/02/2007, chị T chưa cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Thu T được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

[5] Về quan hệ tài sản: trong thời gian chung sống chị Huỳnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn V không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai. Do đó chị Huỳnh Thị T2 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Huỳnh Thị Thu T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N<sub>o</sub> 0013252 ngày 12/12/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thu T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2/ Về con chung: Anh Nguyễn Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 14/02/2007, chị T chưa cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Thu T được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị T3 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

3/ Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Thị Thu T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N<sub>o</sub> 0013252 ngày 12/12/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử công khai chị Huỳnh Thị Thu T xin vắng, anh Nguyễn Văn V vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Thành Lợi,  
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Phạm Thành Tựu**